TÒA ÁN NHÂN DÂN
Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 34/2022/HNGĐ-ST
Ngày 22.8. 2022
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Đặng Ngọc Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Nhớ** và bà **Nguyễn Thị Hồng**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Hoàng Yên Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Tiến Bách** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 81/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022, về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2022/QĐXX-ST ngày 6 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên Tòa số 81/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1985; nơi ĐKHKTT: Tổ 36, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Thừa Thiên Huế (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.)

* *Bị đơn:* Ông **Trương Ngọc N**, sinh năm 1980; Địa chỉ: số K136/6 đường V, tổ 36, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt lần thứ 02 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Trương Ngọc N đăng ký kết hôn vào ngày 13/9/2012 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung, ông N thường ăn nhậu rồi gây gỗ, đánh đập tôi. Vì hôn nhân không hạnh phúc nên

chúng tôi đã sống ly thân khoảng 02 năm nay. Mặc dù tôi đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Hiện nay, tôi xác định không còn tình cảm với ông N, hôn nhân không thể hàn gắn được nữa nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Trương Ngọc N.

- Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung tên Trương Ngọc Gia L, sinh ngày 01/7/2012. Ly hôn, tôi yêu cầu giao con chung cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại các biên bản hòa giải bị đơn là ông Trương Ngọc N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thị H về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì tôi không đồng ý, mong muốn vợ chồng về chung sống lại với nhau.

- Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Trương Ngọc Gia L sinh ngày 01/7/2012. Ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trương Ngọc N. Giao con chung cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị H và ông Trương Ngọc N là tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn có địa chỉ cư trú ở địa bàn quận K nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là ông Trương Ngọc N vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 và 238 Bộ luật

tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà H, ông N.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà H ông N kết hôn năm 2012, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng, đây là hôn nhân tự nguyện và đảm bảo các quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, bà H ông N đã phát sinh mâu thuẫn. Bà H xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, một phần là do bà H gây nợ nần nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, đánh đập nhau. Mâu thuẫn kéo dài đến nay vẫn không khắc phục được. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông N xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng ông không muốn ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống vợ chồng của bà H, ông N thực sự đã phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài đến nay. Hai người đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Qua xác minh tại địa phương thì thấy mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, hai người từ mấy năm nay không sống chung và không có trách nhiệm gì với nhau. Xét mâu thuẫn vợ chồng bà H ông N đã kéo dài, hạnh phúc gia đình không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc ly hôn với ông N là phù hợp.

***** Về con chung: Ông N và bà H có 01 con chung tên Trương Ngọc Gia L sinh ngày 01/7/2012. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông N yêu cầu nuôi con chung, bà H cũng đồng ý giao con cho ông N nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận này của các các đương sự, giao con chung cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, bà H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

***** Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà H phải chịu 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc "*Ly hôn*" đối với ông Trương Ngọc N.

2. **Xử:**

* Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trương Ngọc N.

* Về con chung: Giao con chung là Trương Ngọc Gia L, sinh ngày 01/7/2012 cho ông Trương Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (18 tuổi), bà Nguyễn Thị H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

* Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 2605 ngày 25.3.2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND Q. Thanh Khê;*
- *Chi cục THSDS Q. Thanh Khê;*
- *UBND phường T;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Đặng Ngọc Cường